

TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I - CÔNG TY CỔ PHẦN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Tháng 03 năm 2015



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 26



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Mía Đường I - Công ty Cổ phần (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Văn Hội	Chủ tịch HĐQT
Bà Trần Thị Lệ Châm	Phó Chủ tịch HĐQT
Bà Vũ Thị Huyền Đức	Ủy viên
Bà Trần Thị Mùi	Ủy viên
Ông Lê Văn Đông	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Bà Vũ Thị Huyền Đức	Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Lệ Châm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Hà	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Vũ Thị Huyền Đức
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2015

Số: 181 /VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Mía Đường I - Công ty Cổ phần**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Tổng Công ty Mía Đường I - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 30/03/2015, từ trang 03 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "Báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc số liệu báo cáo tài chính của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Đức Tiến
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0517-2013-156-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2015



Phạm Xuân Sơn
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1450-2013-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 01-DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		380.091.138.283	367.476.022.188
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	141.980.779.365	159.692.023.015
1. Tiền	111		63.380.779.365	56.152.023.015
2. Các khoản tương đương tiền	112		78.600.000.000	103.540.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	16.985.189.797	44.049.149.902
1. Đầu tư ngắn hạn	121		17.747.264.350	44.708.496.351
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(762.074.553)	(659.346.449)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		177.461.691.099	79.937.986.095
1. Phải thu khách hàng	131	7	42.374.170.073	48.404.280.587
2. Trả trước cho người bán	132	8	131.479.624.144	29.327.714.178
3. Các khoản phải thu khác	135	9	5.426.080.476	4.031.836.298
4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.818.183.594)	(1.825.844.968)
IV. Hàng tồn kho	140	10	35.271.199.552	77.865.642.010
1. Hàng tồn kho	141		36.500.148.633	79.190.438.170
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.228.949.081)	(1.324.796.160)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.392.278.470	5.931.221.166
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		82.743.075	175.860.839
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6.165.430.624	2.688.762.090
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	1.468.841.085
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	11	2.144.104.771	1.597.757.152
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 =220+250+260)	200		362.598.188.068	373.280.854.763
I. Tài sản cố định	220		119.286.947.241	130.836.510.722
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	119.169.238.163	130.836.510.722
- Nguyên giá	222		286.636.240.406	279.936.874.566
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(167.467.002.243)	(149.100.363.844)
2. Tài sản cố định vô hình	227		36.500.000	-
- Nguyên giá	228		293.300.000	220.300.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(256.800.000)	(220.300.000)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		81.209.078	-
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		241.637.954.920	239.774.845.176
1. Đầu tư vào công ty con	251	13	43.378.444.000	51.359.973.848
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	14	67.647.093.000	57.740.944.000
3. Góp vốn liên doanh	253	14	97.186.320.000	97.186.320.000
4. Đầu tư dài hạn khác	258	15	34.592.500.000	34.592.500.000
5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	16	(1.166.402.080)	(1.104.892.672)
III. Tài sản dài hạn khác	260		1.673.285.907	2.669.498.865
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.613.285.907	2.609.498.865
2. Tài sản dài hạn khác	268		60.000.000	60.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		742.689.326.351	740.756.876.951

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 01-DN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		274.517.565.079	291.937.604.783
I. Nợ ngắn hạn	310		232.001.886.942	235.091.197.736
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	17	86.763.317.576	75.753.809.330
2. Phải trả người bán	312	18	15.254.032.644	17.120.361.116
3. Người mua trả tiền trước	313	19	42.070.778.923	33.932.108.026
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	20	5.895.632.096	2.255.441.553
5. Phải trả người lao động	315		13.350.801.703	10.457.746.931
6. Chi phí phải trả	316	21	63.947.010.685	79.953.262.013
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	22	1.710.583.494	7.715.569.869
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.009.729.821	7.902.898.898
II. Nợ dài hạn	330		42.515.678.137	56.846.407.047
1. Vay và nợ dài hạn	334	23	42.115.109.956	56.430.497.956
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		400.568.181	415.909.091
B. NGUỒN VỐN (400=410+430)	400		468.171.761.272	448.819.272.168
I. Vốn chủ sở hữu	410	24	468.117.870.458	447.860.033.844
1. Vốn điều lệ	411		430.490.990.000	430.490.990.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.833.014.254	933.819.562
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.833.014.254	933.819.562
4. Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế chưa phân phối	420		31.960.851.950	15.501.404.720
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		53.890.814	959.238.324
1. Nguồn kinh phí	432		53.890.814	959.238.324
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		742.689.326.351	740.756.876.951

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	31/12/2014	01/01/2014
1. Tài sản thuê ngoài	-	-
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	127.826.900	65.891.100
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		
2. Nợ khó đòi đã xử lý	14.116.925.089	14.116.925.089
3. Ngoại tệ các loại		
USD	79,93	79,93



Vũ Thị Huyền Đức
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2015

Trần Thị Mùi
Kế toán trưởng

Đường Thị Hồng Hải
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

MẪU B 02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Từ 04/07/2013 đến 31/12/2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		1.101.110.889.784	403.502.807.760
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		3.047.619	285.714.285
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	25	1.101.107.842.165	403.217.093.475
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	1.041.067.470.424	372.749.972.141
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		60.040.371.741	30.467.121.334
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	33.776.489.669	23.134.087.773
7. Chi phí tài chính	22	29	5.609.215.414	3.806.797.892
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.164.445.692	-
8. Chi phí bán hàng	24	30	16.156.986.783	8.968.876.159
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	31	31.240.735.124	22.596.500.692
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		40.809.924.089	18.229.034.364
11. Thu nhập khác	31		4.179.182.810	1.725.599.620
12. Chi phí khác	32		2.253.403.700	966.851.585
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.925.779.110	758.748.035
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		42.735.703.199	18.987.782.399
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	32	4.751.809.366	311.391.169
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		37.983.893.833	18.676.391.230



Vũ Thị Huyền Đức
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2015

Trần Thị Mùi
Kế toán trưởng

Đường Thị Hồng Hải
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

MẪU B 03-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2014	Từ 04/07/2013 đến 31/12/2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	42.735.703.199	18.987.782.399
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	2	18.403.138.399	8.806.232.107
Các khoản dự phòng	3	60.729.059	834.198.792
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4	-	48.276.120
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(33.270.508.459)	(22.616.265.084)
Chi phí lãi vay	6	5.164.445.692	3.115.509.621
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	33.093.507.890	9.175.733.955
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	9	(101.539.059.783)	14.562.066.670
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	42.690.289.537	(52.104.961.715)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(4.136.033.578)	23.341.091.625
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	1.089.330.722	(455.427.297)
Tiền lãi vay đã trả	13	(9.809.479.675)	(3.008.731.844)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.779.946.790)	(271.919.117)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	2.189.902.983	1.771.218.850
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(11.244.835.347)	(2.475.624.912)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(49.446.324.041)	(9.466.553.785)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(6.780.574.918)	(11.986.514.990)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(23.456.121.485)	(52.623.408.131)
		48.679.016.300	110.104.061.271
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(9.906.149.000)	(6.529.952.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	7.981.529.848	
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	33.537.108.170	23.919.270.849
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	50.054.808.915	62.883.456.999
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	141.883.033.809	75.370.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(145.188.913.563)	(44.050.643.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(14.965.572.650)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(18.271.452.404)	31.319.357.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(17.662.967.530)	84.736.260.214
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	159.692.023.015	75.004.038.921
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(48.276.120)	(48.276.120)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	141.980.779.365	159.692.023.015



Vũ Thị Huyền Đức
Tổng Giám đốc

Trần Thị Mùi
Kế toán trưởng

Đường Thị Hồng Hải
Người lập

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Mía Đường I - Công ty Cổ phần chuyển đổi từ Tổng Công ty Mía Đường I – Công ty TNHH Một thành viên, được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận kinh doanh lần đầu số 0100114314 ngày 30/06/2010, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 04/07/2013.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 430.490.990.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2014 là 458 người (tại ngày 31/12/2013 là 470 người).

Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau: Công ty Thương mại Tư vấn & Đầu tư, Công ty Mía đường Trà Vinh, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp; Trồng cây mía;
- Bán buôn thực phẩm;
- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình công ích;
- Phá dỡ;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Sản xuất các loại bánh từ bột; Sản xuất đường, ca cao, sôcôla và mứt kẹo;
- Sản xuất rượu vang, bia và mạch nha ủ men bia; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Bán buôn đồ uống;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Sản xuất giấy nhãn, bia nhãn, bao bì từ giấy và bia; Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn; máy móc thiết bị; thiết bị điện;
- Lắp đặt máy móc thiết bị công nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa phân vào đầu;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực áp dụng sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015. Những quy định trái với Thông tư này đều bãi bỏ. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hàng tồn kho (Tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 - 40
Máy móc thiết bị	05 - 12
Phương tiện vận tải	08 - 10
Thiết bị quản lý	05 - 08

Công ty Mía Đường Trà Vinh đã đăng ký và thực hiện trích khấu hao tài sản cố định theo thương pháp đường thẳng. Tuy nhiên trong năm 2014, Công ty thực hiện phân bổ chi phí khấu hao năm vào chi phí khấu hao hàng tháng theo sản lượng thực tế phát sinh trong tháng và sản lượng kế hoạch năm (điều chỉnh vào tháng 12).

Đầu tư vào Công ty con

Công ty con là một Công ty mà Công ty mẹ nắm trên 50% quyền kiểm soát. Các khoản đầu tư vào Công ty con được phân ánh theo giá gốc trên bảng cân đối kế toán.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được phân ánh theo giá gốc trên bảng cân đối kế toán.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Góp vốn liên doanh (Tiếp theo)

Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn được trích lập theo các quy hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn khi vốn góp thực tế của Tổng Công ty tại các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ lệ trích lập dựa trên tỷ lệ giữa số vốn đầu tư của Tổng Công ty và tổng số vốn góp thực tế của các bên vào các đơn vị này.

Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, các chi phí sửa chữa tài sản... Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế được phân phối và các quỹ được trích lập theo quyết định của đại hội đồng cổ đông và điều lệ Tổng Công ty.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu nếu liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt	2.834.604.878	156.811.853
Tiền gửi ngân hàng	60.546.174.487	55.995.211.162
Các khoản tương đương tiền	78.600.000.000	103.540.000.000
	<u>141.980.779.365</u>	<u>159.692.023.015</u>

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng tới 1 năm	-	21.738.337.186
Cho vay ngắn hạn	-	7.322.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn (i)	17.747.264.350	15.648.159.165
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(762.074.553)	(659.346.449)
	<u>16.985.189.797</u>	<u>44.049.149.902</u>

Ghi chú:

- (i) Là khoản cho các hộ gia đình vay vốn để trồng nguyên liệu mía, thời hạn cho vay dưới 1 năm, có tính lãi. Công ty Mía Đường Trà Vinh thuộc Tổng Công ty tính và ghi nhận lãi khi các hộ gia đình trả tiền vốn vay. Đối với các hộ gia đình chưa trả vốn vay Công ty Mía Đường Trà Vinh không ước tính lãi dự thu.

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	17.808.497.637	20.431.404.165
Chi nhánh Công ty CP Bánh kẹo Hải Châu	6.955.160.317	2.120.000.020
Công ty Cổ phần Mía Đường Nông Công	6.521.656.269	10.631.923.655
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sữa Quốc Tế - NM Sữa Quốc tế Cù Chi	2.061.800.193	-
Công ty Cổ phần LiLaMa Hà Nội	1.657.220.000	1.669.220.000
Công ty Cổ phần XNK Hóa chất và Thiết bị Hà Nội	1.191.653.000	-
Công ty TNHH Đại Tân	873.191.250	1.333.221.250
Công ty Cổ phần Bia Rượu Viger	721.500.000	6.454.800.000
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La	363.795.200	1.295.574.500
Công ty TNHH MTV TM Gia Thái Hòa	-	1.060.520.002
Công ty Cổ phần KNTP 19/5	-	10.541.010
Các đối tượng khác	4.219.696.207	3.397.075.985
	<u>42.374.170.073</u>	<u>48.404.280.587</u>

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Mía Đường Nông Công	83.926.931.649	10.658.499.093
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	39.996.158.532	7.477.048.159
Công ty CP Lò Hơi Ngô Châu Việt Nam	2.330.716.408	2.330.716.408
Công ty Cổ phần ĐT TM XNK Hải Nhung	-	3.971.579.888
Công ty TNHH Đường mía Việt Nam - Đài Loan	-	2.720.000.000
Công ty Cổ phần TM và Đầu tư Xây dựng Phú Thọ	-	509.960.727
Các đối tượng khác	5.225.817.555	1.659.909.903
	<u>131.479.624.144</u>	<u>29.327.714.178</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN	3.284.267	32.656.684
Công ty cổ phần TP Vạn Diêm	821.256.312	1.106.256.312
Phải thu khác	4.601.539.897	2.892.923.302
	<u>5.426.080.476</u>	<u>4.031.836.298</u>

10. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	11.407.469.420	11.716.158.248
Công cụ, dụng cụ	146.613.823	128.879.282
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.496.211.279	8.586.388.116
Thành phẩm	13.807.738.504	50.600.517.413
Hàng hoá	6.642.115.607	8.158.495.111
Cộng	<u>36.500.148.633</u>	<u>79.190.438.170</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (i)	(1.228.949.081)	(1.324.796.160)
Giá trị thuần có thể thực hiện của hàng tồn kho	<u>35.271.199.552</u>	<u>77.865.642.010</u>

Ghi chú: (i) Trong năm Công ty có hoàn nhập dự phòng số tiền 95.847.079 đồng do một số vật tư đã trích lập dự phòng được xuất dùng trong năm.

11. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Tạm ứng	2.142.849.586	1.597.757.152
Tài sản thiếu chờ xử lý	1.255.185	-
	<u>2.144.104.771</u>	<u>1.597.757.152</u>

TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I – CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 17 Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***MẪU B 09-DN****12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc		Máy móc và thiết bị		Phương tiện vận tải		Thiết bị quản lý		Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
NGUYÊN GIÁ									
Tại ngày 01/01/2014	109.812.007.602	161.818.441.796	7.861.858.611	444.566.557	279.936.874.566				
Mua sắm mới	-	3.784.647.255	863.636.364	34.545.454	4.682.829.073				
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.662.900.403	-	-	-	1.662.900.403				
Tăng do điều chỉnh khi quyết toán	-	353.636.364	-	-	353.636.364				
Tại ngày 31/12/2014	111.474.908.005	165.956.725.415	8.725.494.975	479.112.011	286.636.240.406				
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ									
Tại ngày 01/01/2014	56.856.524.265	87.202.190.800	4.837.550.626	204.098.153	149.100.363.844				
Khấu hao trong năm	4.943.047.797	12.680.131.246	673.989.516	69.469.840	18.366.638.399				
Tại ngày 31/12/2014	61.799.572.062	99.882.322.046	5.511.540.142	273.567.993	167.467.002.243				
GIÁ TRỊ CÒN LẠI									
Tại ngày 01/01/2014	52.955.483.337	74.616.250.996	3.024.307.985	240.468.404	130.836.510.722				
Tại ngày 31/12/2014	49.675.335.943	66.074.403.369	3.213.954.833	205.544.018	119.169.238.163				

Ghi chú:

Công ty Mía đường Trà Vinh thuộc Tổng Công ty đã đăng ký và thực hiện trích khấu hao tài sản cố định theo thương pháp đường thẳng. Tuy nhiên trong năm 2014, Công ty thực hiện phân bổ chi phí khấu hao năm vào chi phí khấu hao hàng tháng theo sản lượng thực tế phát sinh trong tháng và sản lượng kế hoạch năm (điều chỉnh vào tháng 12).

Giá trị còn lại của tài sản cố định mang đi thế chấp là 40.543.608.970 đồng.

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2014 là 57.235.606.315 VND (31/12/2013 là 1.118.826.311 VND)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty Cổ phần Kỹ nghệ thực phẩm 19/5	8.871.444.000	8.871.444.000
Công ty Cổ phần Bia rượu NGK Viger	17.987.000.000	17.987.000.000
Công ty Cổ phần Thực phẩm Vạn Điểm (i)	-	7.981.529.848
Công ty Cổ phần Mía đường Nông Công	16.520.000.000	16.520.000.000
	43.378.444.000	51.359.973.848

Tên công ty con	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Kỹ nghệ thực phẩm 19/5	Xã Trung Hưng, thị xã Sơn Tây, Hà Nội	760.537	88,53%
Công ty Cổ phần Bia rượu NGK Viger	Phường Thanh Miếu, Việt Trì, Phú Thọ	1.711.500	71,22%
Công ty Cổ phần Mía đường Nông Công	Xã Thăng Long, Nông Công, Thanh Hóa	1.180.000	56,60%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty trong các công ty con tương ứng với tỷ lệ vốn góp.

Ghi chú:

(i) Tổng Công ty thoái vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Thực Phẩm Vạn Điểm theo Quyết định số 413/QĐ-MĐI-HĐQT ngày 09/09/2013 của Hội đồng quản trị phê duyệt phương án thoái vốn tại Công ty Cổ phần Thực phẩm Vạn Điểm, theo đó Tổng Công ty tổ chức đấu giá vào ngày 15/10/2014 và ngày 28/10/2014 nhà đầu tư trúng giá đã nộp đủ tiền theo quy chế đấu giá.

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty TNHH Đường mía Việt Nam Đài Loan	97.186.320.000	97.186.320.000
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu (i)	48.727.093.000	38.820.944.000
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	18.920.000.000	18.920.000.000
	164.833.413.000	154.927.264.000

Tên công ty liên doanh, liên kết	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
Công ty TNHH Đường mía Việt Nam Đài Loan	Thành Vân, Thạch Thành, Thanh Hóa		17,50%
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu	Số 15, Mạc Thị Bưởi, HBT, Hà Nội	4.488.446	44,85%
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	Xã Hào Phú, Sơn Dương, Tuyên Quang	1.548.000	47,91%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty trong các công ty liên doanh, liên kết tương ứng với tỷ lệ vốn góp.

Ghi chú:

(i) Tổng Công ty mua bổ sung cổ phiếu phát hành tăng vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu theo Quyết định số 1597/QĐ-MĐI-HĐQT ngày 21/10/2014. Theo đó số lượng cổ phiếu mua là 900.559 cổ phiếu, giá mua là 11.000 VNĐ/cổ phiếu. Tổng tiền thanh toán là 9.906.149.000 VNĐ.

15. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Đầu tư cổ phiếu		
Tổng Công ty Mía Đường II	34.592.500.000	34.592.500.000
	34.592.500.000	34.592.500.000

Là khoản đầu tư góp vốn vào Tổng Công ty Mía Đường II với số lượng là 3.425.000 cổ phiếu chiếm 5% vốn điều lệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Dự phòng khoản lỗ Công ty con, liên doanh, liên kết		
Công ty Cổ phần Kỹ nghệ thực phẩm 19/5	(1.166.402.080)	(1.104.892.672)
	<u>(1.166.402.080)</u>	<u>(1.104.892.672)</u>

17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn		
Ngân hàng NN&PTNT Trà Cú (i)	20.000.000.000	40.000.000.000
Ngân hàng NN&PTNT Hà Tĩnh	-	1.067.421.330
Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam	-	20.000.000.000
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (ii)	13.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Quân đội (iii)	30.000.000.000	-
Vay cá nhân	8.790.980.576	371.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả		
Ngân hàng NN&PTNT Hà Tĩnh	8.540.337.000	7.883.388.000
Ngân hàng Phát triển Trà Vinh	6.432.000.000	6.432.000.000
	<u>86.763.317.576</u>	<u>75.753.809.330</u>

Ghi chú:

(i) Hợp đồng tín dụng số 7407/LAV2014 09137/HĐTD ngày 29/12/2014; số gốc vay là 20 tỷ lãi suất 7%/ năm, thời hạn cho vay tối đa 05 tháng kể từ thời điểm được ghi trên giấy nhận nợ, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động sản xuất đường; Tài sản đảm bảo bằng TSCĐ.

(ii) Bao gồm:
Hợp đồng số STK2712014 ngày 30/12/2014 tại ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt. Số tiền vay là 5.000.000.000 VNĐ thời hạn vay từ ngày 30/12/2014 đến ngày 19/01/2015. Mục đích là bổ sung vốn kinh doanh. Lãi suất vay 4,0%/năm; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Trả cả gốc và lãi cuối kỳ. Tài sản đảm bảo là hợp đồng tiền gửi số 055-1808/20N/LPBTD-MIADUONG ngày 18/08/2014 đến ngày 18/9/2014 mệnh giá 5.000.000.000 VNĐ.

Hợp đồng số STK2722014 ngày 30/12/2014 tại ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt - PGD Thủ Đức. Số tiền vay là 8.000.000.000 VNĐ thời hạn vay từ ngày 30/12/2014 đến ngày 19/01/2015. Mục đích là bổ sung vốn kinh doanh. Lãi suất vay 4,5%/năm; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Trả cả gốc và lãi cuối kỳ. Tài sản đảm bảo là hợp đồng tiền gửi số 001-2111/20014/LPBTD-MIADUONG ngày 21/11/2014 đến ngày 21/1/2015 mệnh giá 8.000.000.000 VNĐ.

(iii) Hợp đồng hạn mức tín dụng số 981.14.065.789999.TD ngày 04/12/2014 hạn mức 50.000.000.000 VNĐ. Mục đích sử dụng vay để thanh toán khoản tiền mua đường. Thời hạn tối đa 6 tháng. Lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Đảm bảo bằng tiền gửi ngân hàng.

Khoản vay cá nhân không có hợp đồng vay, Công ty tính lãi 0,73%/ tháng đối với khoản vay cá nhân này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty TNHH XNK Thương mại Hồng Phúc	2.168.000.198	2.105.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Viger Hà nội	2.104.464.850	-
Công ty TNHH Đại Tần	818.287.945	-
Công ty Cổ phần Mía đường Nông Công	798.000.000	-
Công ty CP Đầu tư XNK Hải Nhung	643.959.438	643.959.438
Công ty CP TM Miền núi Thanh hoá	268.000.000	670.075.900
Công Ty TNHH Hải Hoa	118.610.000	1.718.986.614
Công ty TNHH Vận tải Long khánh	18.552.001	772.428.455
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	-	323.107.078
Các đối tượng khác	8.316.158.212	10.886.803.631
	15.254.032.644	17.120.361.116

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty TNHH Thái hằng Hà tiên	12.644.627.002	8.712.000.000
Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn	5.250.000.000	-
Công ty TNHH Đức Thành	3.900.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại XNK Minh Khang	3.022.499.999	126.000.000
Công ty TNHH Kim Hà Việt	3.900.000.000	7.884.650.500
Công ty TNHH Thương Mại Hữu Sơn	3.292.760.000	-
Cty TNHH TPCN Minh Tâm	1.934.995.000	2.400.000
Cơ Sò SX - KD Đường Phèn Phương Vy	1.518.240.000	-
Công ty TNHH MTV Phú Hoà Lào Cai	-	6.436.000.008
Công ty TNHH một thành viên Viger Hà Nội	-	3.789.525.450
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	-	3.205.560.187
Các đối tượng khác	6.607.656.922	3.775.971.881
	42.070.778.923	33.932.108.026

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế	5.863.595.086	2.255.441.553
Thuế giá trị gia tăng	2.923.759.774	1.316.901.239
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.503.021.491	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.037.664.806	938.540.314
Thuế tài nguyên	399.149.015	-
Các khoản phải trả khác	32.037.010	-
Các khoản phí và lệ phí	32.037.010	-
	5.895.632.096	2.255.441.553

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Lãi vay phải trả (i)	55.043.619.163	59.688.653.146
Trích trước chi phí sản xuất kinh doanh	935.107.670	1.884.118.424
Chi phí phải trả tạm tăng tài sản cố định (ii)	3.949.875.588	3.949.875.588
Phải trả chi phí phát triển vùng nguyên liệu	609.232.485	660.389.086
Chi phí mua thiết bị	-	8.621.300.855
Chi phí tiền lương	3.133.739.128	4.319.000.000
Chi phí phải trả khác	275.436.651	829.924.914
	63.947.010.685	79.953.262.013

Ghi chú:

- (i) Trong đó bao gồm 54.581.875.369 đồng là khoản lãi vay phải trả Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn của khoản vay đầu tư vào nhà máy đường Việt Nam Đài Loan, đã trả hết gốc, khoản lãi đang được các bên làm việc để giảm nợ.
- (ii) Khoản chi phí phải trả tạm ghi tăng tài sản cố định một phần giá trị của dự án nâng cấp cải tạo Lò hơi từ 23 tấn hơi/h lên 32 tấn hơi/h trong năm 2011 nhưng chưa được quyết toán nghiệm thu hoàn thành với nhà thầu Công ty Cổ phần Lò hơi Ngô Châu Việt Nam. Công ty cũng đang có khoản công nợ trả trước cho Công ty Cổ phần Lò hơi Ngô Châu Việt Nam với số tiền 2.330.716.408 đồng (xem thêm Thuyết minh số 8 - Trả trước cho người bán). Đến thời điểm hiện tại, Công ty và Công ty Cổ phần Lò hơi Ngô Châu Việt Nam chưa thống nhất giá trị quyết toán của công trình Lò hơi nêu trên.

22. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	153.620.545	51.351.118
Phải trả về Cổ phần hóa	-	6.228.128.721
Phải trả khác	1.556.962.949	1.436.090.030
	1.710.583.494	7.715.569.869

23. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay dài hạn		
NHNN&PTNT Hà Tĩnh (i)	22.836.705.715	30.720.093.715
NHPT Trà Vinh (ii)	19.278.404.241	25.710.404.241
	42.115.109.956	56.430.497.956

Ghi chú:

Vay dài hạn là theo các hợp đồng:

- i. Biên bản làm việc ngày 20/06/2006 giữa Chi nhánh Ngân hàng NN&PTNT Hà Tĩnh với Công ty: Tổng số nợ gốc tính đến 31/05/2006: Nợ ngắn hạn VND: 5.867.421.330 đồng; Nợ dài hạn VND 84.652.272.378 đồng; Nợ ngoại tệ USD: 888.000 USD
Tổng lãi phải trả tính đến 31/05/2006: Lãi vay ngắn hạn VND: 764.758.089 đồng; Lãi vay dài hạn VND: 4.221.646.697 đồng.
Hai bên thống nhất ký:
- Hợp đồng tín dụng chuyển đổi dư nợ ngoại tệ thành dư nợ nội tệ số 01/HĐTD ngày 21/06/2006 số gốc vay 13.892.760.000 đồng; lãi suất 0,45%/tháng; Trả nợ gốc vay 92.600.000 đồng/tháng; Ngày trả nợ cuối cùng là ngày 01/12/2018; không có tài sản đảm bảo cho khoản vay;
 - Hợp đồng tín dụng số 02/HĐTD ngày 21/06/2006 Số tiền vay 84.652.272.378 đồng; Lãi suất cho vay 0,45%/tháng; Trả nợ gốc vay 564.349.000 đồng/tháng; Ngày trả nợ cuối cùng là ngày 01/12/2018; không có tài sản đảm bảo cho khoản vay;
- ii. Hợp đồng cho vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước năm 2001 số 07.HĐTD.2001 - Phụ lục số 01/PLHĐTD.2006 ngày 10/04/2006 ; Số tiền vay 46.903.199.641 đồng; Lãi suất cho vay 5,40%/ năm, Trả nợ gốc vay 311.000.000 đồng/tháng; tài sản hình thành bằng vốn vay là tài sản đảm bảo nợ vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	14.315.388.000	14.315.388.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	42.115.109.956	56.430.497.956
Sau năm năm	-	-
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (đã được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	<u>14.315.388.000</u>	<u>14.315.388.000</u>
Số phải trả sau 12 tháng	<u>42.115.109.956</u>	<u>56.430.497.956</u>

TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 17 Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***MẪU B 09-DN****24. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn điều lệ		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 04/07/2013	430.490.990.000	-	-	-	-	-	-	-	430.490.990.000	
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	18.676.391.230	18.676.391.230	18.676.391.230	
Trích quỹ từ lợi nhuận	-	933.819.562	933.819.562	-	933.819.562	-	(3.174.986.510)	(1.307.347.386)		
Số dư tại ngày 01/01/2014	430.490.990.000	933.819.562	933.819.562	-	933.819.562	-	15.501.404.720	447.860.033.844		
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	37.983.893.833	37.983.893.833		
Chi trả cổ tức (i)	-	-	-	-	-	-	(15.067.184.650)	(15.067.184.650)		
Trích quỹ (ii)	-	1.899.194.692	1.899.194.692	-	1.899.194.692	-	(6.457.261.953)	(2.658.872.569)		
Số dư tại ngày 31/12/2014	430.490.990.000	2.833.014.254	2.833.014.254	-	2.833.014.254	-	31.960.851.950	468.117.870.458		

Ghi chú: (i) Trong năm Tổng Công ty chi cổ tức 3,5% trên vốn điều lệ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 ngày 27/06/2014.

(ii) Tổng Công ty trích quỹ theo điều lệ của Tổng Công ty:

- 5% Lợi nhuận sau thuế vào Quỹ đầu tư phát triển
- 5% Lợi nhuận sau thuế vào Quỹ dự phòng tài chính
- 7% Lợi nhuận sau thuế vào Quỹ khen thưởng phúc lợi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Tình hình phát hành cổ phiếu của Tổng Công ty

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Cổ phiếu phổ thông		
+ Số cổ phiếu được phép phát hành	43.049.099	43.049.099
+ Số cổ phiếu đã được phát hành và được góp vốn đầy đủ	43.049.099	43.049.099
+ Mệnh giá của cổ phiếu	10.000	10.000
+ Số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm cuối năm	43.049.099	43.049.099

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Vốn đã góp</u>	
	<u>31/12/2014</u>	
	VND	%
Vốn Nhà nước	327.554.068.966	87,80%
Tổng Cty mía đường II	34.592.500.000	9,27%
Công ty TNHH Kim Hà Việt	2.020.000.000	0,54%
Cổ đông khác	8.902.843.900	2,39%
Tổng cộng	<u>373.069.412.866</u>	<u>100,00%</u>

25. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2014</u>	<u>Từ 04/07/2013</u>
	<u>VND</u>	<u>đến 31/12/2013</u>
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.101.110.889.784	403.502.807.760
- Doanh thu bán hàng	1.082.474.016.202	403.028.707.760
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	18.636.873.582	474.100.000
Các khoản giảm trừ doanh thu	3.047.619	285.714.285
- Giảm giá hàng bán	3.047.619	285.714.285
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>1.101.107.842.165</u>	<u>403.217.093.475</u>

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Năm 2014</u>	<u>Từ 04/07/2013</u>
	<u>VND</u>	<u>đến 31/12/2013</u>
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	1.023.963.630.238	372.136.172.141
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	17.103.840.186	613.800.000
	<u>1.041.067.470.424</u>	<u>372.749.972.141</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2014	Từ 04/07/2013 đến 31/12/2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	339.643.484.240	178.842.813.252
Chi phí nhân công	45.409.246.293	22.221.254.087
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.146.696.949	8.750.105.306
Chi phí dịch vụ mua ngoài	44.053.815.082	21.424.951.883
Chi phí khác	9.191.755.869	6.864.479.335
	456.444.998.433	238.103.603.863

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2014	Từ 04/07/2013 đến 31/12/2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi	7.478.270.123	3.509.094.254
Cổ tức, lợi nhuận được chia	15.965.057.250	16.271.948.400
Lãi bán khoản đầu tư	6.119.067.162	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	239.381.499	152.416.654
Lãi bán hàng trả chậm	3.953.362.935	3.185.487.007
Doanh thu hoạt động tài chính khác	21.350.700	15.141.458
	33.776.489.669	23.134.087.773

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2014	Từ 04/07/2013 đến 31/12/2013
	VND	VND
Lãi tiền vay	5.164.445.692	3.115.509.621
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	48.276.120
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	13.932.499	22.310.292
Phí bảo lãnh tài sản	72.946.500	143.543.476
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	164.237.512	255.295.824
Chi phí tài chính khác	193.653.211	221.862.559
	5.609.215.414	3.806.797.892

30. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2014
	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	51.418.445
Chi phí nhân công	2.262.663.570
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.983.996.419
Chi phí khác	858.908.349
	16.156.986.783

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

31. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2014
	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	150.816.796
Chi phí nhân công	20.653.184.599
Chi phí khấu hao tài sản cố định	882.912.997
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.566.175.800
Chi phí khác	2.987.644.932
	31.240.735.124

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2014	Từ 04/07/2013 đến 31/12/2013
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	42.735.703.199	18.987.782.399
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(14.414.135.758)	(15.873.870.712)
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(15.965.057.250)	(16.271.948.400)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.550.921.492	398.077.688
Thu nhập chịu thuế	28.321.567.441	3.113.911.687
Thu nhập chịu thuế hưởng thuế suất ưu đãi	12.324.462.258	3.113.911.687
Thu nhập chịu thuế hưởng thuế suất thông thường	15.997.105.183	-
Thuế suất ưu đãi	10%	10%
Thuế suất thông thường	22%	0%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.751.809.366	311.391.169
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	4.751.809.366	311.391.169

Thu nhập chịu thuế hưởng thuế suất ưu đãi trong năm của Tổng Công ty là thu nhập của Công ty Mía Đường Trà Vinh. Công ty Mía Đường Trà Vinh được hưởng thuế suất 10% do đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của Tổng Công ty thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Tổng Công ty (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

	31/12/2014	1/1/2014
	VND	VND
Các khoản vay	128.878.427.532	132.184.307.286
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	141.980.779.365	159.692.023.015
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	468.117.870.458	447.860.033.844
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc một hợp đồng mà khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, nên làm cho Tổng Công ty bị tổn thất về tài chính. Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu và từ hoạt động tài chính như tiền gửi ngân hàng.

Đối với các khoản phải thu khách hàng: Tổng Công ty quản lý rủi ro đối với các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục kiểm soát cũng như dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tổng Công ty theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phân tích tình hình tín dụng của từng khách hàng tại từng thời điểm.

Đối với tiền gửi ngân hàng: Tổng Công ty duy trì thực hiện gửi tiền tại các ngân hàng mà Tổng Công ty đánh giá là có uy tín và có quan hệ lâu năm với Tổng Công ty.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết mà Tổng Công ty nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng bởi biến động về giá cổ phiếu trên thị trường cũng như tính không chắc chắn về giá trị cổ phiếu trong tương lai. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thường xuyên phân tích diễn biến của thị trường và cổ phiếu của doanh nghiệp Tổng Công ty đầu tư, đưa ra hạn mức đầu tư hợp lý. Mặt khác, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Rủi ro thanh khoản

Đây là rủi ro khi Tổng Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn, chủ yếu là do các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Tính thanh khoản được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	141.980.779.365	-	-	141.980.779.365
Phải thu khách hàng, phải thu khác	45.982.066.955	-	-	45.982.066.955
Đầu tư ngắn hạn	16.985.189.797	-	-	16.985.189.797
Đầu tư dài hạn	-	34.592.500.000	-	34.592.500.000
	204.948.036.117	34.592.500.000	-	239.540.536.117
Tại ngày 31/12/2014				
Vay và nợ	86.763.317.576	42.115.109.956	-	128.878.427.532
Phải trả người bán, phải trả khác	16.964.616.138	-	-	16.964.616.138
Chi phí phải trả	63.947.010.685	-	-	63.947.010.685
	167.674.944.399	42.115.109.956	-	209.790.054.355
Chênh lệch thanh khoản thuần	37.273.091.718	(7.522.609.956)	-	29.750.481.762

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	106.694.617.396	-	-	106.694.617.396
Phải thu khách hàng, phải thu khác	42.535.962.867	-	-	42.535.962.867
Các khoản cho vay	7.322.000.000	-	-	7.322.000.000
Đầu tư dài hạn	-	34.592.500.000	-	34.592.500.000
	156.552.580.263	34.592.500.000	-	191.145.080.263
Tại ngày 01/01/2014				
Phải trả người bán, phải trả khác	15.061.957.349	-	-	15.061.957.349
Chi phí phải trả	61.568.389.515	-	-	61.568.389.515
	76.630.346.864	-	-	76.630.346.864
Chênh lệch thanh khoản thuần	79.922.233.399	34.592.500.000	-	114.514.733.399

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo cho kỳ hoạt động từ ngày 04/07/2013 đến ngày 31/12/2013 đã được kiểm toán.



Vũ Thị Huyền Đức
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2015

Trần Thị Mùi
Kế toán trưởng

Đường Thị Hồng Hải
Người lập